

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/DS-PT

Ngày: 13 -5 -2024

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thanh Tùng

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2024/QĐPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/QĐ-PT ngày 02/05/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh H**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 42, đường Bùi Thị X, khóm A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Huỳnh Ánh T**, sinh năm: 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 72, đường Nguyễn Trung T, khóm A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn:

1/ Ông **Vũ Hoàng T**, sinh năm 1979; (Có mặt)

Địa chỉ (theo hộ khẩu): Ấp Nam C, xã L, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Số 926, đường Võ Văn K, khóm C, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 926, đường Võ Văn K, khóm C, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị T: Luật sư **Trần Thiện M** – Công ty Luật TNHH H – thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 172, đường M, khóm E, phường F, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Do có kháng cáo của các bị đơn ông Vũ Hoàng T và bà Trần Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Ánh T trình bày ý kiến:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H với bà Trần Thị T là chỗ quen biết, tin tưởng với nhau. Nên vào năm 2022 thì bà Trần Thị T có hỏi vay tiền của bà Quỳnh H nhiều lần, để đáo nợ Ngân hàng cho Công ty gia đình của bà Trần Thị T (Công ty TNHH MTV Hoàng Thêm), do bà Quỳnh H thấy Công ty của vợ chồng bà Trần Thị T hoạt động kinh doanh vỏ xe lớn, uy tín nên đã đồng ý cho bà Trần Thị T vay tiền như sau:

Lần 1: Ngày 28/9/2022 cho vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất là 01%/tháng, việc cho vay hai bên có làm hợp đồng vay tiền, có công chứng tại Văn phòng Công chứng Ba X vào ngày 01/11/2022.

Lần 2: Ngày 27/12/2022 cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay 06 tháng, việc cho vay bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của bà Trần Thị T.

Lần 3: Ngày 23/6/2023 cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 05 ngày, lãi suất là 02%/tháng, mục đích cho vay để bà Trần Thị T đáo nợ Ngân hàng cho Công ty Hoàng T.

Lần 4: Ngày 17/7/2023 cho vay số tiền 3.500.000.000 đồng lãi suất là 02%/tháng, mục đích cho vay để bà Trần Thị T đáo nợ Ngân hàng cho Công ty Hoàng T; Việc cho vay bà Trần Thị T có làm biên nhận vay vào ngày 18/7/2023.

Lần 5: Ngày 03/8/2023 cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 30 ngày, lãi suất là 02%/tháng, mục đích cho vay để bà Trần Thị T đáo nợ Ngân hàng.

Lần 6: Ngày 16/8/2023 cho vay số tiền 2.300.000.000 đồng, thời hạn cho vay 30 ngày, lãi suất là 02%/tháng, mục đích cho vay để bà Trần Thị T đáo nợ Ngân hàng.

Lần 7: Ngày 21/8/2023 cho vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 30 ngày, lãi suất là 02%/tháng, mục đích cho vay để bà Trần Thị T đáo nợ Ngân hàng.

Lần 8: Ngày 06/9/2023 cho vay số tiền 540.000.000 đồng, thời hạn cho vay 30 ngày, lãi suất là 02%/tháng, mục đích cho vay để bà Trần Thị T đáo nợ Ngân hàng.

Bà Trần Thị T vay tiền của bà Nguyễn Thị Quỳnh H 08 lần với tổng số tiền là 14.540.000.000 đồng (Mười bốn tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng). Sau khi vay số tiền nêu trên tính đến ngày 21/9/2023 thì bà Trần Thị T đã trả cho bà Quỳnh H được số tiền vốn vay là 3.910.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn vay là 10.630.000.000 đồng. Ngoài ra, sau khi bà Nguyễn Thị Quỳnh H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố Sóc Trăng thì vào ngày 29/11/2023 bà Trần Thị T có chuyển trả số tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng, còn nợ lại tổng số tiền vốn vay là 9.630.000.000 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xem xét, giải quyết buộc các bị đơn anh Vũ Hoàng T, bà Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vốn vay còn nợ lại bà Quỳnh H là 9.630.000.000 đồng và tiền lãi 04 tháng 14 ngày (từ ngày 21/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm) x tiền vốn vay 9.630.000.000 đồng x 20%/năm = 716.900.000 đồng.

** Tại bản tường trình sự việc ngày 30/11/2023, biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị T trình bày ý kiến:*

Từ ngày 28/9/2022 cho đến ngày 06/9/2023, bà Trần Thị T có vay của bà

Nguyễn Thị Quỳnh H 08 lần số tiền nêu trên như phía bà Quỳnh H trình bày, với tổng số tiền vốn vay là 14.540.000.000 đồng (*Mười bốn tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng*), nhưng lãi suất từ 02% tháng đến 06%/tháng tùy từng khoản vay theo thỏa thuận, mục đích bà Trần Thị T vay tiền của bà Quỳnh H là để cho người khác vay lại để hưởng tiền lãi suất chênh lệch. Trong quá trình vay số tiền nêu trên của bà Quỳnh H thì bà Trần Thị T đã trả số tiền vốn vay nhiều lần cho bà Quỳnh H tổng cộng là 4.910.000.000 đồng, còn nợ lại tổng số tiền vốn vay là 9.630.000.000 đồng như phía bà Quỳnh H trình bày.

Đối với khoản tiền nợ bà Quỳnh H là nợ riêng của bà Trần Thị T, không có liên quan đến chồng là anh Vũ Hoàng T, vì khi bà Trần Thị T hỏi vay số tiền nêu trên của bà Quỳnh H thì chỉ có bà Trần Thị T trực tiếp thỏa thuận vay tiền với bà Quỳnh H, anh Thêm hoàn toàn không biết, cũng như không có thỏa thuận hoặc nhận tiền vay của bà Quỳnh H, đây là thỏa thuận làm ăn riêng của bà Trần Thị T, vay tiền của bà Quỳnh H để cho người khác vay lại, không phải vay để đáo nợ Ngân hàng của Công ty Hoàng T như phía bà Quỳnh H trình bày. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quỳnh H thì bà Trần Thị T đồng ý bào trách nhiệm một mình trả số tiền này cho bà Quỳnh H, không có liên quan đến nghĩa vụ liên đới trả nợ của anh Vũ Hoàng T với phương án giao cho bà Quỳnh H 04 quyền sử dụng đất tại các thửa 03, 49, 50, 66, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại địa chỉ khóm 7, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng do anh Vũ Hoàng T đứng tên để đối trừ khoản tiền nợ vay nêu trên. Trường hợp phía bà Quỳnh H không đồng ý đối với phương án lấy 04 quyền sử dụng đất nêu trên thì đợi bà Trần Thị T khởi kiện những người nợ bà Trần Thị T số tiền 34 tỷ đồng, sẽ trả lại số tiền nợ bà Quỳnh H.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 12 năm 2023 và bản tự khai ngày 26 tháng 12 năm 2023 bị đơn ông Vũ Hoàng T trình bày ý kiến:*

Việc vợ anh là bà Trần Thị T vay của bà Nguyễn Thị Quỳnh H 08 lần, với tổng số tiền 14.540.000.000 đồng thì anh Thêm hoàn toàn không biết, anh không có liên quan đến nghĩa vụ trả nợ cho bà Quỳnh H. Bởi vì, anh không có thỏa thuận hoặc nhận số tiền vay từ bà Quỳnh H và cũng không bảo lãnh trả nợ cho bà Trần Thị T. Khi anh phát hiện bà Trần Thị T vay tiền của bà Quỳnh H thì anh đã nhiều lần cảnh báo với bà Quỳnh H không được cho bà Trần Thị T vay tiền. Đến khi bà Trần Thị T không còn khả năng trả nợ cho bà Quỳnh H thì anh cũng đã tạo điều

kiện cho bà Trần Thị T bán tài sản chung của vợ chồng để trả cho bà Quỳnh H một phần tiền vốn vay nêu trên và yêu cầu bà Quỳnh H mua lại đất của bà Trần Thị T để trừ nợ, nhưng bà Quỳnh H không đồng ý. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Quỳnh H, yêu cầu ông có nghĩa vụ liên đới với bà Trần Thị T trả số tiền vốn, lãi vay nêu trên thì anh không đồng ý, vì đây là khoản nợ riêng của bà Trần Thị T, bà Trần Thị T không có sử dụng số tiền vay của bà Quỳnh H để đáo nợ Ngân hàng cho Công ty Hoàng T hoặc sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H đối với bị đơn bà Trần Thị T, anh Vũ Hoàng T, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bị đơn anh Vũ Hoàng T có nghĩa vụ liên đới cùng với bị đơn bà Trần Thị T, có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền vốn và lãi vay là 10.346.900.000 đồng (*Mười tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng*). Trong đó, tiền vốn vay là 9.630.000.000 đồng và tiền lãi vay là 716.900.000 đồng (Tiền lãi tính từ ngày 21/9/2023 đến ngày 05/02/2024).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Quỳnh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn anh Vũ Hoàng T, bà Trần Thị T không thanh toán số tiền nêu trên cho bà Quỳnh H thì anh Thêm, bà Trần Thị T còn phải bù thêm tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 21/02/2024 bị đơn bà Trần Thị T và ngày 29/02/2024 bị đơn ông Vũ Hoàng T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm cụ thể như sau:

- Bị đơn ông Vũ Hoàng T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng: không buộc ông Thêm

có nghĩa vụ liên đới cùng bà Trần Thị T trả nợ cho bà Hoa số tiền nợ gốc và lãi là 10.346.900.000 đồng.

- Bị đơn bà Trần Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bà hoàn toàn bào trách nhiệm trả nợ cho bà Hoa không liên quan đến ông Vũ Hoàng T. Đồng thời bà yêu cầu xem xét lại phần lãi suất từ ngày 05/01/2023 đến ngày 20/9/2023, bà Trần Thị T đã đóng cho bà Hoa tiền lãi 6%/tháng còn thừa là 188.073.900 đồng xem xét trừ vào số tiền vốn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các bị đơn ông Vũ Hoàng T, bà Trần Thị T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và cũng không thỏa thuận được với nguyên đơn về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của các bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Vũ Hoàng T và bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị T và ông Vũ Hoàng T trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay còn lại là 9.630.000.000 đồng và tiền lãi 04 tháng 14 ngày (từ ngày 21/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm) x tiền vốn vay 9.630.000.000 đồng x 20%/năm = 716.900.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có hai địa chỉ cư trú nên nguyên đơn lựa chọn khởi kiện theo nơi cư trú của bị đơn tại thành phố Sóc Trăng cho nên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 và điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm: Bị đơn ông Vũ Hoàng T và bà Trần Thị T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với các lý do:

Bà Trần Thị T trình bày: Số tiền bà vay của nguyên đơn để làm ăn riêng, ông Thêm chồng bà không biết nên ông Thêm không liên quan. Bà còn kháng cáo yêu cầu xem xét phần lãi suất mà trước đây từ ngày 05/01/2023 đến ngày 20/09/2023 bà đã đóng đủ cho bà Hoa tiền lãi 6%/tháng. Theo Bản án Tòa sơ thẩm tuyên là lãi suất bà phải bầu trách nhiệm trả cho bà Hoa là 1,66%/tháng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Bà đề nghị xem xét lại phần tiền trước đây bà đã đóng lãi cho bà Hoa dư chênh lệch ($6\% - 1,66\% = 4,34\%$) từ ngày 05/01/2023 đến ngày 20/09/2023 (4,5 tháng) còn thừa là ($9.630.000.000đ \times 4,34\%/tháng = 41.794.200đ$) $\times$ 4,5 tháng = 188.073.900 đồng đề nghị trừ vào số tiền vốn mà bà đã vay của bà Hoa.

Ông Vũ Hoàng T trình bày:

Thứ nhất, việc bà Nguyễn Thị Quỳnh H làm ăn chung với bà Trần Thị T vợ ông và cho bà Trần Thị T vay tiền thì ông không hề hay biết, ông không liên quan gì đến các khoản nợ này, ông cũng không có ký nhận bất kỳ khoản tiền nào của bà Hoa và cũng không bảo lãnh trả nợ cho bà Trần Thị T. Khi ông phát hiện sự việc thì ông có cảnh báo với bà Nguyễn Thị Quỳnh H không được cho bà Trần Thị T vợ ông vay tiền nhưng bà Nguyễn Thị Quỳnh H bất chấp lời cảnh báo của ông mà vẫn tiếp tục làm ăn chung và cho bà Trần Thị T vay tiền.

Thứ hai, bà Nguyễn Thị Quỳnh H rất nhiều lần đến nhà ông làm phiền, gây áp lực để bà Trần Thị T vợ ông trả nợ, ông có tạo điều kiện bằng cách cho bà Trần Thị T bán tài sản chung của ông và bà Trần Thị T để lấy tiền trả nợ cho bà Hoa, cũng như tạo điều kiện cho bà Hoa mua lại đất của bà Trần Thị T để trừ khoản nợ còn thiếu của bà Hoa, nhưng bà Hoa không đồng ý.

Thứ ba, đối với các khoản nợ của bà Trần Thị T thì ông không đồng ý và ông không có trách nhiệm gì đối với các khoản nợ này do đây là khoản nợ riêng của bà Trần Thị T, ông không hề hay biết, bà Trần Thị T vay tiền là để cho người khác vay lại, bà Trần Thị T không có đem tiền vay này sử dụng cho Công ty Hoàng T như bà Hoa trình bày, cũng như không sử dụng vào mục đích chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, ông không liên quan gì đến các khoản nợ của bà Trần Thị T và cũng không có trách nhiệm trả nợ cho bà Hoa.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian nộp đơn và đơn kháng cáo của các bị đơn còn trong hạn luật định, nên hợp lệ về mặt hình thức. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H và bị đơn bà Trần Thị T thống nhất: Bà Trần Thị T có vay tiền của bà Hoa 08 lần với tổng số tiền 14.540.000.000 đồng từ ngày 28/9/2022 cho đến ngày 06/9/2023, sau đó bà Trần Thị T đã trả được 4.910.000.000. Bà Trần Thị T còn nợ bà Hoa 9.630.000.000 đồng.

Xét kháng cáo của bà Trần Thị T và ông Vũ Hoàng T thì thấy:

Thứ nhất, theo các hợp đồng vay nguyên đơn cung cấp chỉ để lãi suất 01%/tháng, 02%/tháng. Bà Trần Thị T cho rằng từ ngày 05/01/2023 đến ngày 20/09/2023 bà đã đóng đủ cho bà Quỳnh H với lãi suất 6%/tháng nhưng bà không cung cấp chứng cứ gì chứng minh. Ngoài ra, tại giai đoạn sơ thẩm bà không yêu cầu phản tố xem xét tính phần lãi chênh lệch phần này, nên cấp phúc thẩm không xem xét, bởi lẽ cấp phúc thẩm chỉ xem xét đối với yêu cầu của đương sự đã được yêu cầu và giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị.

Thứ hai, bà Trần Thị T cho rằng số tiền bà vay của bà Hoa dùng vào mục đích cho vay lại, chồng bà là ông Vũ Hoàng T không biết và không có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hoa. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị T thừa nhận bà có cho ông Vương Đức Trí vay lại số tiền 8.500.000.000 đồng từ số tiền vay của bà Hoa và ông Trí không có khả năng trả nợ nên đã chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị T 04 quyền sử dụng đất tại các thửa số 03, 49, 50, 66, tờ bản đồ số 04, địa chỉ khóm 7, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để trả nợ vay này. Sau đó, ngày 28 - 29/9/2023, bà Trần Thị T, anh Thêm đã tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng, chính lý sang tên 04 quyền sử dụng đất này từ anh Vương Đức Trí, để cho anh Vũ Hoàng T

đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, 04 quyền sử dụng đất nêu trên của bà Trần Thị T và anh Vũ Hoàng T được tạo lập từ nguồn tiền vốn vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H. Vì vậy, bị đơn bà Trần Thị T cho rằng ông Thêm không biết và không có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Hoa là không có cơ sở. Cho nên, việc ông Thêm nại ra rằng bà Trần Thị T không có đem tiền vay này sử dụng vào mục đích chung trong thời kỳ hôn nhân là không có căn cứ. Vì vậy, 04 quyền sử dụng đất nêu trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của bà Trần Thị T và ông Thêm và số nợ phát sinh đối với bà Hoa thì bà Trần Thị T và ông Thêm phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 27, Điều 33 và Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Vũ Hoàng T, bà Trần Thị T đồng ý giao 04 quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Quỳnh H để cản trừ số tiền vay và lãi còn thiếu như bản bản án sơ thẩm đã tuyên. Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nhận 04 quyền sử dụng đất nêu trên. Và cho rằng: Các quyền sử dụng đất này đang phát sinh tranh chấp với nhau giữa ông Vương Đức Trí – ông Nguyễn Giang Châu, nếu bà Quỳnh H nhận 04 quyền sử dụng đất này sẽ kéo dài thời gian và sẽ không thi hành án được. Cho nên, đại diện cho nguyên đơn không đồng ý nhận 04 quyền sử dụng đất nêu trên, mà chỉ yêu cầu bà Trần Thị T, ông Thêm trả số tiền vay như cấp sơ thẩm đã tuyên.

[6] Từ những phân tích cụ thể nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hoàng T và bà Trần Thị T.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn ông Vũ Hoàng T và bà Trần Thị T mỗi người phải bầu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Lời phát biểu và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Trần Thị T không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

I/ Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn ông Vũ Hoàng T và bà Trần Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng và án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 95; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 và 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463; khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 27, Điều 33 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H đối với các bị đơn bà Trần Thị T, anh Vũ Hoàng T, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bị đơn anh Vũ Hoàng T có nghĩa vụ liên đới cùng với bị đơn bà Trần Thị T, có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền vốn và lãi vay là 10.346.900.000 đồng (*Mười tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng*). Trong đó, tiền vốn vay là 9.630.000.000 đồng và tiền lãi vay là 716.900.000 đồng (Tiền lãi tính từ ngày 21/9/2023 đến ngày 05/02/2024).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Quỳnh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn anh Vũ Hoàng T, bà Trần Thị T không thanh toán số tiền nêu trên cho bà Quỳnh H thì anh Thêm, bà Trần Thị T còn phải bầu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

3.1 Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H không phải bầu án phí, nên được

hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 59.676.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001285 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3.2 Bị đơn bà Trần Thị T, anh Vũ Hoàng T có nghĩa vụ phải bầu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, số tiền là 118.346.900 đồng.

II/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Vũ Hoàng T và bà Trần Thị T mỗi người phải bầu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số 0001517 ngày 29/02/2024 và biên lai thu số 0001500 ngày 21/02/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Các bị đơn đã thực hiện xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 13/5/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũ